

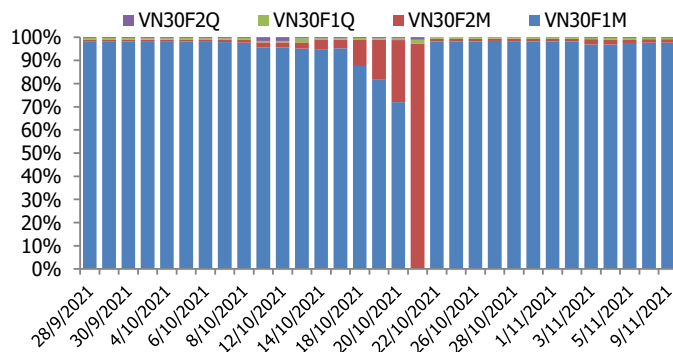
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

| MÃ | Ngày đáo hạn | Số ngày | Đóng cửa | OI |
|-----------|--------------|---------|----------|--------|
| VN30F2111 | 18/11/2021 | 9 | 1525.50 | 33,541 |
| VN30F2112 | 16/12/2021 | 37 | 1524.00 | 504 |
| VN30F2203 | 17/3/2022 | 128 | 1521.40 | 172 |
| VN30F2206 | 16/6/2022 | 219 | 1517.80 | 120 |

TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Áp lực chốt lời diễn ra mạnh khiến cả 4 HĐTL đóng cửa trong sắc đỏ với mức giảm từ 10,9 đến 14,6 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 8,53 điểm. Do đó, basis của các hợp đồng suy yếu và chuyển sang trạng thái âm. Cụ thể, basis của VN30F2111 giảm xuống -1,63 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2112 cũng giảm xuống -3,13 điểm vào cuối phiên giao dịch. Tổng thanh khoản thị trường phiên nay tăng 20,3% so với phiên liền trước, đạt 128.123 hợp đồng được khớp lệnh. Khối ngoại trở lại bán ròng 382 hợp đồng.
- Thị trường cơ sở điều chỉnh sau 3 phiên tăng liên tiếp, diễn biến trong phiên chiều nay cho thấy sức nặng từ nhóm cổ phiếu ngân hàng khi nhóm cổ phiếu này chỉ duy trì lực kéo trong phiên sáng. Tuy thị trường điều chỉnh ở vùng cao mới và thanh khoản thị trường cũng rất cao nhưng áp lực bán chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu trong nhóm VN30, dòng tiền vẫn tìm kiếm cơ hội ở nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ, đặc biệt là nhóm cổ phiếu mang tính đầu cơ cao. Về kỹ thuật, xu hướng tăng vẫn tiếp tục được bảo đảm trên đồ thị kỹ thuật với dải BB tiếp tục được mở rộng và MACD tiếp tục cắt lên.
- Khi mẫu hình vận động giá chưa tạo ra điểm tựa đảo chiều vững chắc. Chiến lược mở lệnh Long khi giá áp sát về mức hỗ trợ 1520-1524 điểm, cắt lỗ nếu giá rơi xuống dưới 1517 điểm. Ngược lại, mở lệnh Short khi giá hồi phục yếu khi tiến về ngưỡng kháng cự 1534-1537 điểm hoặc giá xuyên qua biên dưới 1517 điểm. Đối với nhà đầu tư giao dịch theo xu hướng chờ giá vượt hẳn khỏi biên dao động để bám theo dòng tiền. Cụ thể, mở vị thế mua nếu giá hợp đồng tương lai VN30F1M vượt qua ngưỡng 1538 điểm, mở vị thế bán nếu giá VN30F1M sập gãy khỏi ngưỡng 1517 điểm.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chiến lược giao dịch trong ngày

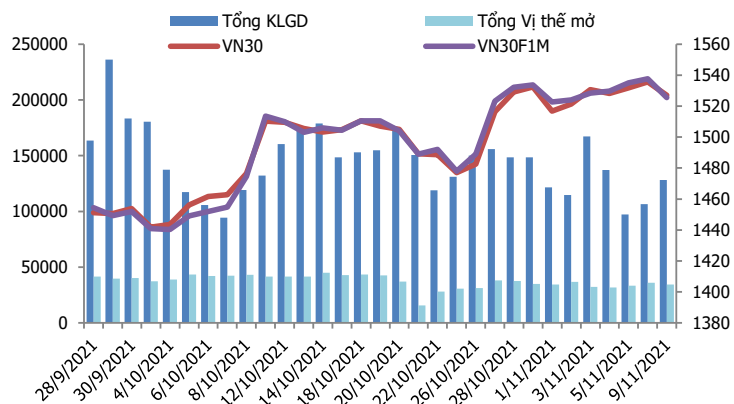
Khi mẫu hình vận động giá chưa tạo ra điểm tựa đảo chiều vững chắc. Chiến lược mở lệnh Long khi giá áp sát về mức hỗ trợ 1520-1524 điểm, cắt lỗ nếu giá rơi xuống dưới 1517 điểm. Ngược lại, mở lệnh Short khi giá hồi phục yếu khi tiến về ngưỡng kháng cự 1534-1537 điểm hoặc giá xuyên qua biên dưới 1517 điểm.

Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Đối với nhà đầu tư giao dịch theo xu hướng chờ giá vượt hẳn khỏi biên dao động để bám theo dòng tiền, mở vị thế mua nếu giá hợp đồng tương lai VN30F1M vượt qua ngưỡng 1538 điểm, mở vị thế bán nếu giá sập gãy khỏi ngưỡng 1517 điểm.

Chiến lược giao dịch spread

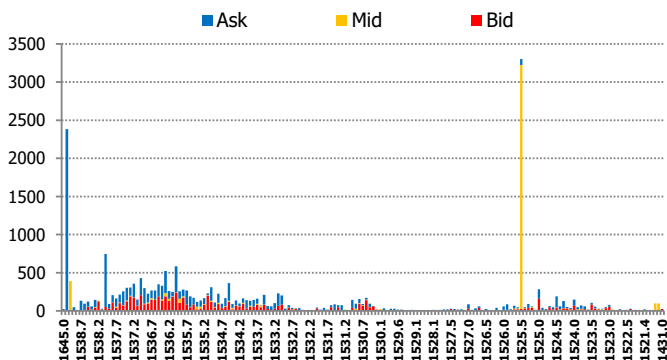
Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN

| Hợp đồng | Giá | % Chg | KLGĐ | % Chg | OI | % Chg |
|-------------|--------|-------|---------|-------|--------|-------|
| VN30F2111 | 1525.5 | -0.79 | 127,651 | 20.1 | 33,541 | -4.5 |
| VN30F2112 | 1524.0 | -0.71 | 254 | 10.9 | 504 | -8.4 |
| VN30F2203 | 1521.4 | -0.80 | 137 | 552.4 | 172 | -13.1 |
| VN30F2206 | 1517.8 | -0.95 | 81 | 138.2 | 120 | 1.7 |
| Tổng | | | 128,123 | 20.3 | 34,337 | -4.6 |

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Áp lực chốt lời diễn ra mạnh khiến cả 4 HĐTL đóng cửa trong sắc đỏ với mức giảm từ 10,9 đến 14,6 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 8,53 điểm. Do đó, basis của các hợp đồng suy yếu và chuyển sang trạng thái âm.
- Thanh khoản thị trường phái sinh tăng so với phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt 128.123 hợp đồng, tương ứng tăng 20,3%. Trong đó, thanh khoản tập trung tại hợp đồng tương lai tháng 11 với 127.651 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2111 là 1.527,62 điểm (cao hơn 2,12 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2112 là 1.529,13 điểm (+5,13 điểm), VN30F2203 là 1.534,06 điểm (+12,66 điểm) và VN30F2203 là 1.539,01 điểm (+21,21 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

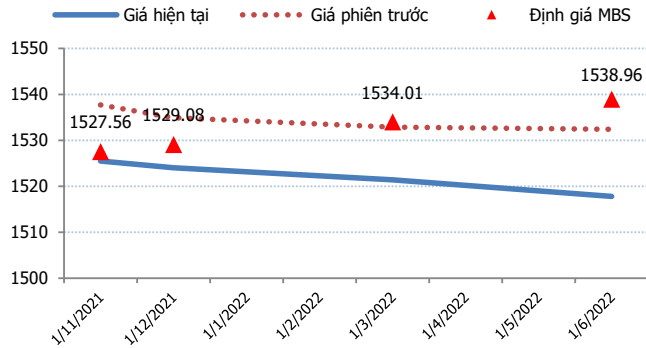
| Khung thời gian | 15m | 1h | Daily |
|-----------------|------------------|------------------|------------------|
| Tổng kết | SELL | NEUTRAL | BUY |
| Hỗ trợ | 1520-1524 | 1520-1524 | 1500-1504 |
| Kháng cự | 1534-1537 | 1547-1552 | 1560-1569 |

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M

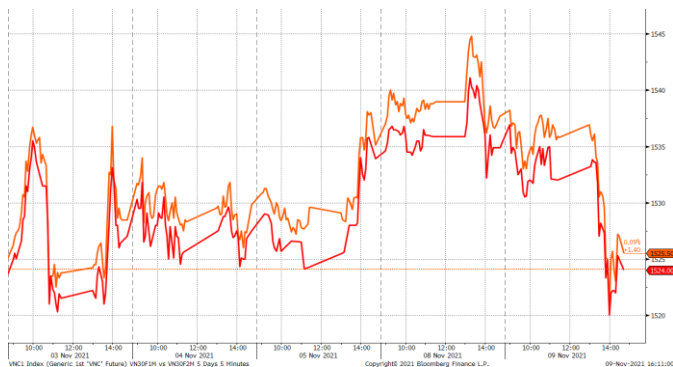


| Spread HĐTL | Hiện tại | Phiên trước | +/- | MA5 |
|-------------------|----------|-------------|------|-------|
| VN30F2M - VN30F1M | -1.5 | -2.80 | 1.3 | -1.86 |
| VN30F1Q - VN30F1M | -4.1 | -4.80 | 0.7 | -4.06 |
| VN30F1Q - VN30F2M | -2.6 | -2.00 | -0.6 | -2.2 |
| VN30F2Q - VN30F1M | -7.7 | -5.30 | -2.4 | -6.86 |
| VN30F2Q - VN30F2M | -6.2 | -2.50 | -3.7 | -5 |
| VN30F2Q - VN30F1Q | -3.6 | -0.50 | -3.1 | -2.8 |

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN



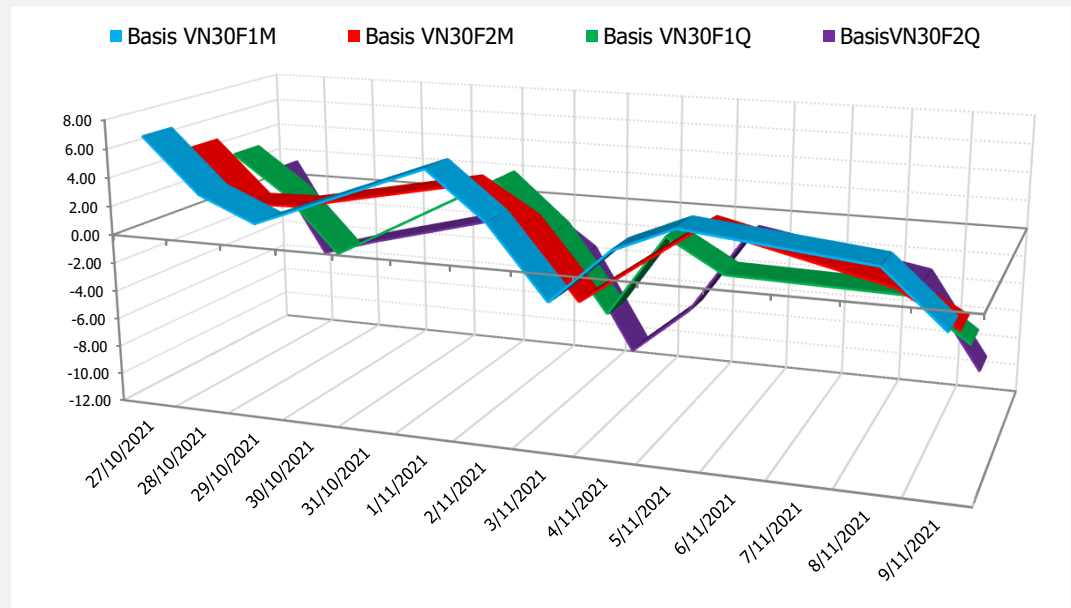
DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M



NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL

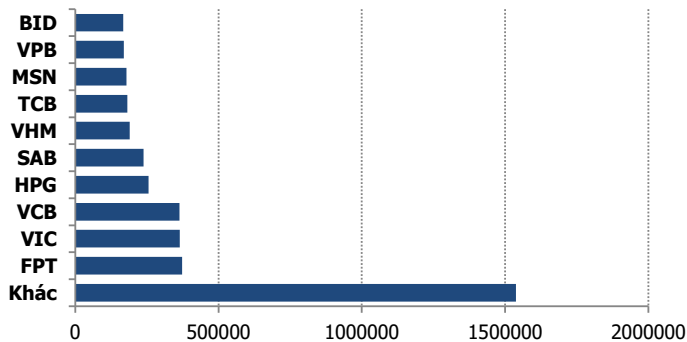
- Áp lực chốt lời diễn ra mạnh khiến cả 4 HĐTL đóng cửa trong sắc đỏ với mức giảm từ 10,9 đến 14,6 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 8,53 điểm. Do đó, basis của các hợp đồng suy yếu và chuyển sang trạng thái âm. Cụ thể, basis của VN30F2111 giảm xuống -1,63 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2112 cũng giảm xuống -3,13 điểm vào cuối phiên giao dịch.
- Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng giảm, hiện nằm trong khoảng -7,7 điểm đến -1,5 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2112-VN30F2111) lại tăng lên 1,3 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL

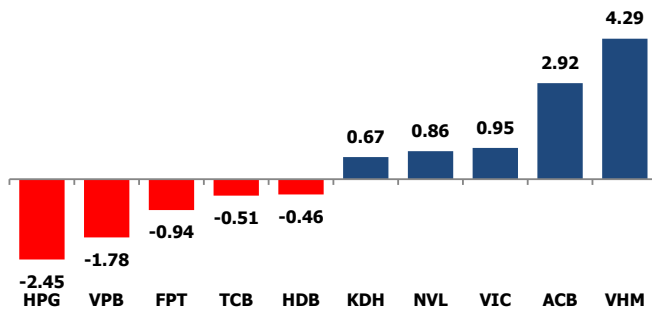


| | VNIndex | VN30 |
|-----------------------|----------|----------|
| Đóng cửa | 1461.5 | 1527.13 |
| Thay đổi | -6.07 | -8.53 |
| %Chg | -0.41 | -0.56 |
| YTD | 32.40 | 42.62 |
| Vốn hóa (ngh.tỷ đồng) | 5,685.24 | 3,999.82 |
| P/E | 17.03 | 14.74 |
| P/B | 2.73 | 2.97 |

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nguyên nhân kéo các chỉ số chính đi xuống. Số mã giảm điểm (20) áp đảo hoàn toàn số mã tăng điểm (9) và 1 mã đứng tham chiếu. MSN và VPB trở thành hai trụ tác động tiêu cực nhất tới đà giảm của VN30-Index với mức ảnh hưởng lần lượt là -2,11 điểm và -1,56 điểm; ngoài ra VNM, NVL hay FPT là những bluechips giảm và kéo chỉ số VNI đóng cửa dưới mốc tham chiếu.

Chốt phiên, chỉ số VN30 giảm 8,53 điểm (-0,56%) xuống 1.527,13 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 219,53 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị 10.556 tỷ đồng.

Khối ngoại phiên này đã quay trở lại bán ròng nhẹ với 97,86 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực bán tập trung ở các mã như DXG (-93 tỷ đồng), MSN (-91 tỷ đồng), NVL (-80 tỷ đồng), GEX (-59 tỷ đồng), SSI (-50 tỷ đồng).

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30

Đồ thị kỹ thuật chỉ số VN30-Index



| Chỉ số | Điểm số | %Chg | P/E | YTD |
|-------------------|-----------|--------|-------|--------|
| VNIIndex | 1,461.50 | (0.41) | 17.03 | 32.40 |
| Dow Jones | 36,319.98 | (0.31) | 20.37 | 18.67 |
| S&P500 | 4,685.25 | (0.35) | 25.84 | 24.74 |
| Nikkei 225 | 29,285.46 | (0.75) | 17.16 | 6.71 |
| Shanghai | 3,507.00 | 0.24 | 14.90 | 0.98 |
| DAX | 16,040.47 | (0.04) | 16.32 | 16.92 |
| Vàng | 1,830.79 | (0.06) | | (3.56) |
| Dầu WTI | 84.53 | 0.45 | | 74.22 |

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

| | Kỳ trước | Dự báo | Thực tế |
|---|----------|---------|---------|
| Thứ Hai - 08/11/2021 | | | |
| Thứ Ba - 09/11/2021 | | | |
| Đức - Chỉ số cảm tính kinh tế của ZEW (Tháng 11) | 22.3 | 20.0 | 31.7 |
| Mỹ - Chỉ số giá sản xuất PPI (tháng/tháng) (Tháng 10) | 0.5% | 0.6% | 0.6% |
| Thứ Tư - 10/11/2021 | | | |
| Mỹ - CPI lõi (tháng/tháng) (Tháng 10) | 0.2% | 0.4% | |
| Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu | 281K | | |
| Mỹ - Dự trữ dầu thô | 3.291M | | |
| Thứ Năm - 11/11/2021 | | | |
| Úc - Thay đổi việc làm (Tháng 10) | -138.0K | 50.0K | |
| Trung Quốc - Sản lượng công nghiệp (năm/năm) (Tháng 10) | 3.1% | 3.1% | |
| Anh - Tổng GDP (năm/năm) (Quý 3) | 23.6% | 6.8% | |
| Anh - Tổng GDP (quý/quý) (Quý 3) | 5.5% | 1.5% | |
| Anh - Sản lượng sản xuất (tháng/tháng) (Tháng 9) | 0.5% | 0.1% | |
| Châu Âu - Dự báo của NHTW | | | |
| Thứ Sáu - 12/11/2021 | | | |
| Mỹ - Cơ hội việc làm của JOLTs (Tháng 9) | 10.439M | 10.925M | |

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Lo ngại lạm phát, Phố Wall giảm điểm. Cụ thể, Dow Jones giảm 112,24 điểm (-0,31%) xuống 36.319,98 điểm. S&P 500 giảm 16,45 điểm (-0,35%) xuống 4.685,25 điểm. Nasdaq giảm 95,81 điểm (-0,6%) xuống 15.886,54 điểm. Chỉ số giá nhà sản xuất (PPI) từ Bộ Lao động Mỹ cho thấy lạm phát tiếp tục nóng lên với những thách thức về hàng hóa và nguồn cung lao động đẩy tăng trưởng giá vượt mục tiêu thường niên 2% của Fed.
- Chốt phiên 9/11, giá dầu Brent tương lai tăng 1,35 USD, tương đương 1,6%, lên 84,78 USD/thùng. Giá dầu WTI tương lai tăng 2,22 USD, tương đương 2,7%, lên 84,15 USD/thùng. Giá tăng sau khi cơ quan thông tin năng lượng Mỹ (EIA) ra báo cáo Triển vọng Năng lượng Ngắn hạn (STEO) dự báo giá xăng bán lẻ sẽ giảm trong vài tháng tới.
- Giá vàng ngày 9/11 lên cao nhất kể từ đầu tháng 9 với USD suy yếu khi nhà đầu tư chờ các số liệu lạm phát kinh tế Mỹ. Giá vàng giao ngay tại sàn New York tăng 8 USD lên 1.832 USD/ounce, cao nhất kể từ ngày 3/9. Giá vàng tương lai tăng 0,2% lên 1.830,8 USD/ounce.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 MSN, VPB và VNM là những tác nhân chính kéo chỉ số VN30 giảm điểm trở lại. Trong đó, MSN gây ảnh hưởng -2,11 điểm tới chỉ số VN30.

Phân tích kỹ thuật MSN



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

| Cổ phiếu | Ngành | Tỷ trọng (%) | Giá | %Chg | H-L | GTGD | Điểm tác động | PE | PB |
|----------|--|--------------|---------|-------|-------|----------|---------------|--------|------|
| HPG | Metals & Mining | 9.70 | 56,500 | -1.55 | 1.75% | 1373.668 | -2.45 | 10.17 | 3.46 |
| TCB | Banks | 8.50 | 52,300 | -0.39 | 1.36% | 657.819 | -0.51 | 10.39 | 2.07 |
| VPB | Banks | 7.62 | 37,050 | -1.42 | 2.90% | 300.652 | -1.78 | 13.56 | 2.80 |
| VIC | Real Estate Management & Development | 7.35 | 94,900 | 0.84 | 2.44% | 216.841 | 0.95 | 54.23 | 4.00 |
| VHM | Real Estate Management & Development | 6.30 | 83,000 | 0.11 | 0.78% | 339.816 | 4.29 | 19.84 | 5.99 |
| ACB | Banks | 5.47 | 33,450 | 3.61 | 3.94% | 441.392 | 2.92 | 9.17 | 2.10 |
| VNM | Food Products | 5.34 | 89,800 | -1.12 | 1.14% | 231.612 | 0.09 | 21.81 | 5.18 |
| FPT | Electronic Equipment, Instruments & Components | 5.29 | 96,400 | 5.56 | 5.30% | 1313.303 | -0.94 | 10.32 | 4.24 |
| MSN | Food Products | 4.97 | 147,800 | -0.53 | 3.05% | 231.878 | -0.37 | 74.30 | 8.28 |
| MWG | Specialty Retail | 4.29 | 130,000 | -0.45 | 0.76% | 176.63 | -0.31 | 20.44 | 5.13 |
| MBB | Banks | 4.23 | 28,600 | 0.00 | 1.42% | 303.803 | 0.00 | 9.69 | 1.92 |
| NVL | Real Estate Management & Development | 3.78 | 103,000 | 1.39 | 2.85% | 742.492 | 0.86 | 30.40 | 4.78 |
| STB | Banks | 3.58 | 28,100 | -0.37 | 1.91% | 264.957 | -0.19 | 13.84 | 1.58 |
| VCB | Banks | 2.82 | 97,100 | 0.10 | 1.55% | 123.573 | 0.05 | 17.71 | 3.47 |
| HDB | Banks | 2.75 | 27,700 | -1.12 | 1.52% | 101.792 | -0.46 | 473.79 | 4.21 |
| VJC | Airlines | 2.53 | 131,000 | -1.17 | 1.19% | 74.701 | -0.45 | 8.44 | 1.46 |
| TPB | Banks | 2.17 | 43,400 | 1.01 | 2.28% | 215.213 | 0.35 | 10.12 | 2.12 |
| SSI | Capital Markets | 2.01 | 44,300 | -0.74 | 1.99% | 475.461 | -0.21 | 21.76 | 3.54 |
| CTG | Banks | 1.69 | 32,950 | 0.65 | 1.63% | 325.145 | 0.16 | 26.11 | 2.33 |
| VRE | Real Estate Management & Development | 1.61 | 30,400 | 0.64 | 1.60% | 410.045 | 0.16 | 9.22 | 1.63 |
| KDH | Real Estate Management & Development | 1.44 | 48,400 | 3.03 | 3.55% | 242.966 | 0.67 | 25.94 | 3.68 |
| PNJ | Textiles, Apparel & Luxury Goods | 1.37 | 106,000 | 2.36 | 3.96% | 173.337 | 0.48 | 24.68 | 4.25 |
| PDR | Capital Markets | 1.28 | 92,300 | 0.73 | 1.58% | 410.93 | 0.15 | 29.61 | 7.56 |
| SAB | Food Products | 0.87 | 174,000 | -0.40 | 4.94% | 144.026 | -0.32 | 29.07 | 4.85 |
| GAS | Gas Utilities | 0.81 | 119,200 | -2.49 | 2.55% | 36.149 | -0.05 | 27.28 | 4.85 |
| PLX | Oil, Gas & Consumable Fuels | 0.49 | 54,500 | -1.28 | 1.85% | 124.518 | -0.13 | 16.82 | 2.76 |
| BID | Banks | 0.49 | 43,000 | 4.14 | 4.51% | 151.301 | 0.29 | 16.84 | 2.05 |
| GVR | Real Estate Management & Development | 0.46 | 40,600 | -0.62 | 3.41% | 189.777 | -0.04 | 33.72 | 3.29 |
| POW | Independent Power and Renewable Electricity Producer | 0.43 | 12,850 | -0.78 | 3.20% | 196.781 | -0.05 | 11.73 | 1.00 |
| BVH | Beverages | 0.34 | 64,800 | -1.37 | 2.17% | 111.535 | -0.07 | 25.65 | 2.29 |

| STT | Thông tin cơ bản HĐTL VN30 | Đặc điểm sản phẩm |
|-----|---|---|
| 1 | Mã hợp đồng | VN30F-yy-mm |
| 2 | Tài sản cơ sở | Chỉ số cổ phiếu VN30 |
| 3 | Hệ số nhân hợp đồng | 100.000 đồng |
| 4 | Quy mô 01 hợp đồng | 100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30 |
| 5 | Tháng đáo hạn | - Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất |
| 6 | Phương thức giao dịch | - Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận |
| 7 | Thời gian giao dịch | GD Khớp lệnh định kỳ - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45 |
| | GD khớp lệnh liên tục | - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30 |
| | GD Thỏa thuận | - 08h45 - 14h45 |
| 8 | Các loại lệnh giao dịch | LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC. |
| 9 | Nguyên tắc khớp lệnh | Ưu tiên giá và thời gian. |
| 10 | Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh | 01 hợp đồng |
| 11 | Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh | 500 hợp đồng |
| 12 | Đơn vị yết giá/ Bước giá | 0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng |
| 13 | Biên độ dao động | +/- 7% |
| 14 | Ngày giao dịch cuối cùng | Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước. |
| 15 | Ngày thanh toán cuối cùng | Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng. |
| 16 | Phương thức thanh toán | Thanh toán bằng tiền |
| 17 | Giá thanh toán hàng ngày | Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng. |
| 18 | Giá thanh toán cuối cùng | Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL. |
| 19 | Giá tham chiếu | Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước. |
| 20 | Mở tài khoản | Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS. |
| 21 | Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK | NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng |
| 22 | Mức ký quỹ ban đầu | Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn. |
| 23 | Mức ký quỹ duy trì | Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu. |
| 24 | Ký quỹ bổ sung | Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch. |
| 25 | Thoát khỏi hợp đồng tham gia | Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó. |

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội
Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601
[Webiste: www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)
Hotline: **1900 9088**

KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

| | | |
|----------------|--------------------------|--|
| Trần Hoàng Sơn | Trưởng bộ phận/Kiểm soát | son.tranhoang@mbs.com.vn |
| Phạm Văn Quỳnh | Chuyên viên nghiên cứu | quynh.phamvan@mbs.com.vn |
| Đình Việt Long | Chuyên viên nghiên cứu | long.dinhviet@mbs.com.vn |